TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Khải

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 311/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983

Nơi ĐHKTT: Thôn B, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Xóm N (Xóm 8 cũ), xã N, huyện T, tỉnh N. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Chí T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh N. Quá trình chung sống, ông và bà T đã có với nhau một con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2006. Sau khi kết hôn, ông và bà T về sinh sống tại thôn B, xã B, thị xã N, tỉnh K. Thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn

trong gia đình, từ năm 2010 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Chí T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh N. Sau khi kết hôn, bà và ông T về sinh sống tại thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh K. Quá trình chung sống, bà và ông T đã có với nhau một con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2006. Từ năm 2006, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã với nhau, từ năm 2010 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu được ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung chưa thành niên cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc H (bản sao); Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu (bản photo); Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân; Biên bản xác minh hộ khẩu thường trú; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Chí T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T; về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2006. Ông T xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa

thành niên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2006 đến tuổi trưởng thành, ông T không yêu cầu bà Tình cấp dưỡng nuôi con chung, bà T đồng ý với yêu cầu của ông T; Cháu H có nguyện vọng được ở với ông T là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 27 tháng 01 năm 2005 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa ông T và bà T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã với nhau, từ năm 2010 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Ông T và bà T đều xác nhận không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2006. Nay ly hôn, ông T xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2006 đến tuổi trưởng thành, ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung, bà T đồng ý với yêu cầu của ông T; Cháu H có nguyện vọng được ở với ông T. Xét thấy, yêu cầu của ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu H và bà T nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị T đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Chí T được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/7/2006 cho ông Nguyễn Chí T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Chí T không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Chí T và bà Nguyễn Thị T đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Chí T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004752 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông Nguyễn Chí T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ngọc Sơn (GCNKH số 02 ngày 27/01/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Trung